

BỐI CẢNH QUỐC TẾ, KHU VỰC HIỆN NAY TÁC ĐỘNG ĐẾN AN NINH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

*Nguyễn Xuân Thắng**

I. ĐẶC ĐIỂM MỚI CỦA BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC

Về các xu hướng lớn trong sự phát triển của thế giới kể từ đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và các nghiên cứu gần đây đã chỉ rõ:

1. Toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, mang tính hai mặt: tích cực và tiêu cực, đang lôi cuốn hầu hết mọi quốc gia, bất luận ở trình độ phát triển nào, tham gia vào quá trình này;

2. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ mới phát triển nhanh, nền kinh tế thế giới đang trong bước chuyển sang kinh tế tri thức và xu thế này cũng không còn là vấn đề riêng của các nước phát triển;

3. Hòa bình hợp tác và phát triển là dòng chính, phổ biến của sự phát triển thế giới kể từ sau khi kết thúc chiến tranh lạnh, mặc dù vậy, các cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vẫn còn có thể xảy ra ở một số nơi, dưới nhiều hình thức khác nhau;

4. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương vẫn tiếp tục là khu vực phát triển năng động của thế giới, tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong sự thay đổi cục diện và trật tự kinh tế quốc tế.

Tuy vậy, sau một thập kỷ nhìn lại, bối cảnh khu vực và quốc tế đã thay đổi hết sức nhanh chóng. Các xu hướng chung (như đã nêu), về căn bản, vẫn là những động thái chủ yếu của sự phát triển thế giới mặc dù tần suất, phạm vi, hình thức của nó đã rất khác so với 5 năm trước đây. Sự phản ứng chính sách chậm chạp của bất kỳ nước nào sẽ là nguyên nhân của việc đánh mất cơ hội phát triển và làm gia tăng các nguy cơ rủi ro có phương hại đến các lợi ích quốc gia. Do vậy, theo chúng tôi, cần phải làm rõ các đặc điểm mới của bối cảnh quốc tế và khu vực:

* Phó giáo sư, Tiến sĩ, Viện Kinh tế chính trị thế giới. Việt Nam.

Một là, hệ thống kinh tế thế giới, mặc dù được đẩy mạnh bằng tiến trình tự do hóa nhằm hướng tới một hệ thống kinh tế đa phương, không phân biệt đối xử và không khác biệt trên cơ sở xóa bỏ mọi rào cản (kể cả rào cản thể chế), trên một số phương diện, vẫn còn là một hệ thống thiếu công bằng. Vai trò dẫn dắt và chi phối của hệ thống kinh tế thế giới vẫn thuộc về các nước phát triển nhất, đứng đầu là Mỹ và vì vậy, mọi sáng kiến thúc đẩy tiến trình tự do hóa và toàn cầu hóa rất cuộc vẫn là mang lại nhiều lợi ích hơn cho các nước phát triển. Đặc biệt sau cuộc chiến Irắc, Mỹ đã nổi lên như một *tối siêu cường duy nhất*, bất chấp công pháp quốc tế, đã can dự và dính líu vào mọi diễn tiến của tình hình thế giới, cả về chính trị-quân sự và kinh tế-xã hội. Từ các thực tế này, trong khuôn khổ WTO, vòng đàm phán Doha khó có thể kết thúc vào năm 2005 do các nước bất đồng về thời hạn và lĩnh vực tự do hóa. Khắc phục tình trạng này là sự nổi lên của xu hướng ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương. Mỹ đã chuyển từ lập trường chỉ ủng hộ cơ chế đa phương sang ủng hộ cả cơ chế song phương trong tự do hóa thương mại. Xu hướng đẩy nhanh các tính toán tay đôi giữa các nước đang phần nào làm yếu đi các nỗ lực liên kết đa phương cũng như vai trò của các định chế đa phương trong quan hệ kinh tế quốc tế. Nói cách khác, xu hướng liên kết kinh tế quốc tế trên nhiều tuyến, nhiều cấp độ, nhiều hình thức đang diễn ra cùng lúc, đan xen nhau một cách hết sức phức tạp. Tuy nhiên, cần phải nhấn mạnh lại là, đặc điểm mới này không phải là sự đi ngược của tiến trình tự do hóa thương mại toàn cầu bởi về nguyên tắc, WTO không loại trừ khả năng một quốc gia thành viên có thể tham gia vào một định chế kinh tế khác, miễn là điều đó không đi ngược lại các nguyên tắc của hệ thống thương mại đa phương. Những hiệu ứng mà chúng tôi vừa nêu cần phải được quan tâm trong từng trường hợp cụ thể, nhất là các hiệp định tự do song phương giữa một quốc gia cụ thể với một định chế khu vực nào đó bởi lẽ chính là FTA này sẽ là các “nhân tố”, một mặt, tạo sức ép để các định chế này hội nhập sâu hơn và mặt khác, nếu không xử lý thích hợp, chúng dễ làm cho các nỗ lực chung trong hội nhập nội khối cũng như thế thương lượng cạnh tranh của định chế đó bị suy giảm.

Hai là, hòa bình, hợp tác và phát triển là dòng chính, song từng lúc có thể bị đứt đoạn bởi các làn sóng khủng bố quốc tế và các cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố. Sau sự kiện 11-9 và các cuộc chiến tranh Afganistan, Irắc, tình hình an ninh chính trị quốc tế đã biến chuyển theo một chiều hướng bất lợi cho sự phát triển. Sự hiện diện của chủ nghĩa khủng bố dưới mọi hình thức phản ánh các xung đột về tôn giáo, văn hóa, sắc tộc... và đương nhiên, đằng sau đó là các xung đột lợi ích kinh tế giữa các tập đoàn xuyên quốc gia, giữa nhóm các nước phát triển và đang phát triển. Một khi tình hình an ninh chính trị-xã hội bị đe dọa, niềm tin của các nhà đầu tư và thương mại bị giảm sút, mọi người dân có xu hướng tích trữ, tiết kiệm thay vì tiêu dùng và đầu tư; các hoạt động

du lịch, dịch vụ thiếu khởi sắc... Như chúng ta đều biết, tiêu dùng và đầu tư là hai yếu tố chủ yếu tạo động lực cho tăng trưởng nên dưới hiệu ứng của bối cảnh quốc tế kể từ sau sự kiện 11-9 và các cuộc chiến chống khủng bố quốc tế, các yếu tố này có chiều hướng giảm sút (đến mức các chương trình kích cầu ở một số nước đã không mang lại kết quả như mong đợi) khiến cho nền kinh tế thế giới đã và đang rơi vào một tình trạng tăng trưởng không cao, thậm chí tiếp tục yếu ớt ở một số nước. Đó là chưa kể đến các giảm sút kinh tế có tính chu kỳ, hiệu ứng của các căn bệnh toàn cầu (như hiệu ứng của bệnh SARS)... đang đặt môi trường phát triển bền vững của nền kinh tế thế giới trước một loạt vấn đề phải giải quyết và đương nhiên, phải có sự nỗ lực chung của toàn cầu mới có thể ngăn chặn được.

Ba là, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là Đông Á và Đông Nam Á, tiếp tục phát triển năng động song tình hình đã diễn ra phức tạp, khó lường. Các tiến trình hợp tác đã biến chuyển trên nhiều tuyến theo hướng vừa hội nhập, vừa cạnh tranh giành ảnh hưởng tại khu vực này theo các tiếp cận lợi ích đơn biệt của từng quốc gia. Trung Quốc sau gia nhập WTO đã đi trước một bước so với Nhật Bản và Hàn Quốc khi ký kết hiệp định khung về Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc khiến cho động thái hội nhập của ASEAN đang có những sắc diện mới. ASEAN đang tìm cách để vượt ra sức ép này nhằm khắc phục tình trạng giảm niềm tin, ít hấp dẫn về đầu tư, thương mại và nâng cao khả năng cạnh tranh với tính cách là một chính thể khu vực. Sự hướng mạnh của các dòng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Trung Quốc đang là một bất lợi đối với các nước ASEAN, nhất là các nước thuộc tầng kém phát triển trong ASEAN - những nước đang rất cần các nguồn lực bên ngoài để hỗ trợ tăng trưởng và phát triển. Các hiệp định thương mại tự do song phương giữa ASEAN - Hàn Quốc, ASEAN - Nhật Bản đang được xúc tiến và nếu như các quá trình này diễn ra đúng tiến độ thì liệu, xét từ góc độ địa-kinh tế, ASEAN có bị thay đổi vị trí ưu tiên trong tính toán chiến lược của các nước bên ngoài? Đó là chưa kể đến việc, trong nội bộ ASEAN, mặc dù đã ký thỏa thuận về Cộng đồng ASEAN, một số nước, nhất là các nước phát triển hơn như Singapore, Malaysia, Thái Lan... đang có khuynh hướng "vượt trước" về tự do hóa thương mại. Các nước này đang đẩy mạnh tiến trình ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương với bên ngoài và thậm chí với nhau. Theo đó, cùng với nguyên tắc "đồng thuận" và nguyên tắc ASEAN-X, có thể sẽ là không đủ để đáp ứng các yêu cầu của tiến trình hội nhập mới của ASEAN. Hơn nữa cho dù đã hướng tới cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) triển vọng về hội nhập sâu hơn của ASEAN vẫn đang có nguy cơ ít hiệu quả và rất có thể bị "hòa tan" trong Đông Á một khi ý tưởng về khu vực mậu dịch tự do toàn Đông Á đã manh nha sẽ được thúc đẩy. Đây là điều phải cảnh báo sớm để các nước trong ASEAN có phản ứng chính sách thích hợp, nếu không muốn mất đi tính chủ động trong

hội nhập kinh tế quốc tế. Cũng tại Đông Á, các nước đang buộc phải tính đến nguy cơ xung đột hạt nhân ở Bắc Triều Tiên; vấn đề Philippin, Thái Lan đã trở thành “đồng minh” ngoài NATO của Mỹ bởi lẽ những động thái này, có thể tạo ra một cân bằng chiến lược giữa các nước lớn, song dù vậy nó cũng là tiềm ẩn những bất ổn về an ninh chính trị và đương nhiên cả an ninh kinh tế trong khu vực. Ngoài ra, cũng cần tính đến mầm xuất phát của bệnh SARS cũng ở khu vực này, dù đã khống chế, song điều gì sẽ còn xảy ra sau sự kiện đó cũng là điều rất cần tiếp tục cảnh báo với các nước trong khu vực.

Như vậy, có thể kết luận rằng, kể từ đầu thập kỷ 90 đến nay, tình hình quốc tế và khu vực có nhiều thay đổi có lợi cho các nước trong tiếp cận phát triển, nhất là trong việc thích ứng với tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập vào một nền kinh tế thế giới đang từng bước chuyển sang kinh tế tri thức. Nguồn lực khu vực và quốc tế, nhất là về tài chính, công nghệ và thị trường, từ các nước phát triển, đang trở thành điều kiện cho sự tăng trưởng của các nước đi sau. Tuy nhiên, như chúng tôi đã phân tích, các xu hướng phát triển của thế giới, đặc biệt là các động thái mới của tình hình quốc tế và khu vực đang tạo ra những tác động phức tạp, khó lường cho các nước, nhất là trong việc lựa chọn và xác định các trật tự và chính sách ưu tiên trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế (bởi các tiến trình liên kết đang diễn ra nhiều chiều, đa phương và ở dưới nhiều cấp độ đan xen nhau) và theo đó, tính tổn thương, các rủi ro của sự phát triển ở các nước cũng rất lớn khi mà sự lệ thuộc vào nhau giữa các quốc gia và khu vực đã trở nên chặt chẽ hơn bao giờ hết.

II. TÁC ĐỘNG CỦA BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC ĐẾN AN NINH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

An ninh kinh tế, như chúng ta đều biết, là một nội dung chủ yếu của an ninh phi truyền thống được đề cập từ nhiều năm nay do nguy cơ rủi ro, những hệ lụy dây chuyền diễn ra xuất phát tới sự lệ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, khu vực ngày càng chặt chẽ dưới tác động của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Đó là vấn đề ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô; sự an toàn của các dòng hàng hóa – dịch vụ, vốn, công nghệ, lao động...; vấn đề tăng trưởng nhanh và bền vững... Tất cả những tiêu chí này đã không còn chỉ tùy thuộc vào vai trò chế định của chính phủ, sự nỗ lực đơn phương của các quốc gia mà là kết quả của “động thái phối hợp” giữa các chủ thể khác nhau trong nền kinh tế thế giới: đó là sự tham gia của các định chế kinh tế khu vực, các định chế kinh tế toàn cầu, các tập đoàn xuyên quốc gia, thậm chí các tổ chức phi chính phủ... Do vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của các động thái quốc tế và khu vực đều có ảnh hưởng tới các chủ thể này và dĩ nhiên, đến an ninh kinh tế của mọi quốc gia.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế nên dĩ nhiên, an ninh kinh tế đất nước luôn nằm trong hiệu ứng tác động của bối cảnh quốc tế và khu vực. Mức độ, tần suất của sự tác động sẽ ngày càng gia tăng khi chúng ta đã và đang tiến gần hơn đến các thể chế kinh tế toàn cầu. Ở đây, chúng ta phải đối mặt với 3 vấn đề:

Một là, trình độ phát triển còn thấp và chất lượng tăng trưởng không cao giữa nước ta và các nước sẽ là bất lợi cho việc duy trì các điều kiện ổn định phát triển;

Hai là, một nền kinh tế mới chuyển đổi sang kinh tế thị trường, sự phản ứng của các tầng lớp dễ tổn thương thường rất chậm và yếu trước các thay đổi của bối cảnh bên ngoài;

Ba là, Đảng và Nhà nước có chủ trương đẩy mạnh tăng trưởng, phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế song mức độ sẵn sàng của các chủ thể kinh tế-xã hội (các cơ quan quản lý của nhà nước, các doanh nghiệp và người dân) chưa cao.

Vậy tác động của bối cảnh quốc tế và khu vực đến an ninh và phát triển kinh tế Việt Nam sẽ diễn ra như thế nào?

1. Những tác động tích cực

a. Bối cảnh quốc tế và khu vực đã đưa lại nhiều cơ hội thuận lợi cho Việt Nam phát triển kinh tế thị trường và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế. Dưới tác động của các xu hướng và động thái (như phân tích ở trên), Việt Nam đã và đang từng bước gia nhập các thể chế kinh tế khu vực và toàn cầu, trong đó quyết tâm đẩy mạnh đàm phán gia nhập WTO vào năm 2005 là cơ hội tốt cho việc đẩy nhanh cải cách trong nước nhằm đạt tới các mục tiêu do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đề ra, đặc biệt trong lĩnh vực cải cách doanh nghiệp nhà nước, ngân hàng và phát triển khu vực tư nhân. Hội nhập quốc tế là để tạo ra một nền kinh tế cạnh tranh và mở cửa hơn nữa, tiếp nhận và thực hiện phân bổ hiệu quả nguồn lực thế giới trên cơ sở phát huy tối đa nguồn lực và lợi thế so sánh của ta. Mặt khác, từ vai trò đã và đang sẽ là thành viên của các định chế khu vực và quốc tế, Việt Nam có điều kiện tận dụng và tạo dựng một môi trường và khung khổ phát triển tốt hơn, tạo vị thế vững chắc hơn trong các đàm phán quốc tế trên mọi cấp độ. Chẳng hạn, chỉ sau khi trở thành thành viên của WTO, Việt Nam có thể có lợi thế tốt hơn trong ký kết các FTA song phương với các đối tác khác. Đây cũng là điều kiện tiên quyết mà các nước hiện là thành viên của WTO đặt ra.

b. Cùng với việc thể hiện các cam kết mạnh mẽ về tự do hóa thương mại, thông qua hội nhập, Việt Nam có điều kiện để thực hiện tiến trình

công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn hiện đại. Các nguồn lực cho công nghiệp hóa về vốn, công nghệ, thị trường và lao động được hình thành một cách thuận lợi. Thị trường các nước phát triển dưới mọi loại hình trở thành điều kiện cho sự tăng trưởng của nền kinh tế nước ta (giống như kinh nghiệm thành công của các nền kinh tế Đông Á trước đây). Cụ thể là:

Một là, sự phân công mới của lao động quốc tế trên phạm vi toàn cầu đã tạo điều kiện cho chúng ta có cơ sở và khả năng để tập trung nguồn lực cho phát triển và hiện đại hóa các ngành công nghiệp có lợi thế so sánh (các ngành sử dụng nhiều lao động và tài nguyên). Ví dụ, hiện đại hóa các ngành sử dụng nhiều lao động bằng công nghệ mới thông qua các kênh chuyển giao và sáng tạo công nghệ từ các nước có trình độ phát triển cao hơn;

Hai là, kinh nghiệm thế giới đã cho chúng ta niềm tin về bước phát triển rút ngắn đối với tiến trình tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong tổng kim ngạch xuất khẩu, các sản phẩm hàng hóa hữu hình tức là mất một số năm ít hơn (dưới 20 năm) cho mục tiêu tăng tỷ lệ này lên 90-95%;

Ba là, nhờ các ưu đãi về thuế và phi thuế quan chủ yếu dành cho các sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo, việc thực hiện các lộ trình hội nhập cũng là quá trình để tiến hành công nghiệp hóa và theo đó, càng hội nhập nhanh vào các định chế kinh tế khu vực và toàn cầu, tiến trình công nghiệp hóa càng được đẩy mạnh hơn;

Bốn là, sự xâm nhập của các công ty xuyên quốc gia (TNCs) dưới nhiều hình thức đang trở thành nhân tố tích cực cho các quá trình cơ cấu lại đầu tư, tiếp nhận công nghệ và phát triển thị trường nhằm thích ứng với tiến trình tự do hóa và phát triển bền vững một khi đây là nhân tố đầu tư không gây nợ, các doanh nghiệp trong nước trở thành các nhà thầu phụ, các vệ tinh cho các tập đoàn TNCs và hơn nữa, đây là kênh để tạo dựng môi trường hỗ trợ cho sự lớn mạnh của các doanh nghiệp trong nước nhằm chống chọi với các sức ép cạnh tranh bên ngoài đang ngày càng trở nên khốc liệt.

c. Các quá trình hình thành và hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường có điều kiện được đẩy mạnh vì bối cảnh quốc tế và khu vực thường xuyên thay đổi thường không thể chấp nhận sự bất cập, lạc hậu và kém thích ứng của các thể chế kinh tế bên trong. Do đó, môi trường pháp luật, các nguyên tắc thị trường, các chế tài điều hành và giám sát nền kinh tế bắt buộc phải được điều chỉnh theo các tiêu chí quốc tế. Đây là khâu quan trọng để khôi phục tính cạnh tranh, tăng hấp dẫn của thị trường Việt Nam, giảm rủi ro và tăng tính minh bạch của nền kinh tế. Việc hình thành một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu của thông lệ quốc tế, đồng bộ và thống nhất, minh bạch và chính xác trong hướng dẫn thi hành chính

là hệ quả của những sức ép về thay đổi thể chế kinh tế dưới tác động của quá trình thực hiện các cam kết quốc tế. Quá trình này là quá trình liên tục đổi mới và đảm bảo thích ứng cao với mọi thay đổi của bối cảnh quốc tế và khu vực. Nó đảm bảo khả năng phản ứng chính sách kịp thời, hạn chế được các cú sốc lớn từ bên ngoài tác động lên nền kinh tế của chúng ta.

2. Những thách thức mới

a. Môi trường quốc tế đã và đang có nguy cơ bất ổn, bởi sự xuất hiện của các biến cố mới, khó lường trước. Đó là:

1. Sự “lây lan” trên quy mô lớn của chủ nghĩa khủng bố và cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố vẫn tiếp tục diễn ra phức tạp sau sự kiện 11-9 và đặc biệt gần đây sau cuộc chiến tranh Iraq;

2. Hệ quả của sự suy giảm kinh tế Mỹ-Nhật năm 2001 và chính sách đồng đôla yếu của Mỹ năm 2003 đang làm cho các dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế toàn cầu kém vững chắc;

3. Hiệu ứng toàn cầu của bệnh SARS...

Tất cả những sự kiện này đang làm giảm sút niềm tin của các nhà đầu tư và người tiêu dùng và theo đó, nền kinh tế thế giới tuy đã phục hồi song sẽ chưa vững chắc trong những năm tiếp theo. Dĩ nhiên, trong tình hình đó, một nền kinh tế hướng về xuất khẩu và dựa một phần đáng kể vào FDI sẽ chắc chắn gặp khó khăn trong vấn đề tìm kiếm, mở rộng thị trường và khai thác các nguồn lực quốc tế. Tình hình cũng giống như điều chúng ta đã thấy là sau khủng hoảng tài chính-tiền tệ châu Á 1997, khi gặp khó khăn về thị trường xuất khẩu và sút giảm đầu tư, tăng trưởng của nền kinh tế nước ta đã không cao và vì vậy, nếu môi trường kinh tế quốc tế tiếp tục bất ổn, chúng ta khó có thể tăng trưởng nhanh, bền vững để đáp ứng yêu cầu phát triển rút ngắn như Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã đề ra.

b. Các xu hướng liên kết kinh tế trên nhiều tuyến, nhiều cấp độ trên thế giới và đặc biệt trong khu vực đang tạo ra nhiều thách thức cho tiến trình nỗ lực hội nhập chung của ASEAN. Các hiệp định thương mại tự do song phương đang được coi là bước đi quan trọng của hầu hết các nước với khu vực kiểu như khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA); với từng nước (như Nhật Bản với Singapore), hoặc giữa các nước ASEAN với nhau (như giữa Thái Lan với Singapore) buộc ASEAN phải thúc đẩy tiến trình hội nhập sâu hơn, và mặt khác, ASEAN cũng sẽ khó khăn khi nếu nhiều nước thành viên ưu tiên mạnh các vấn đề giải quyết tay đôi, họ có thể sẽ làm giảm thế thương lượng và mặc cả của toàn khu vực với bên ngoài. Vấn đề đặt ra là trong những trường hợp đó, nếu chúng ta chỉ chú trọng hội nhập vào các hiệp định đa phương (vốn là bước đi khôn ngoan của các nước kém phát triển để tránh bị các nước phát triển chèn

ép) thì liệu chúng ta có mất đi lợi thế và bị đứng ngoài các tính toán song phương đã trở nên hết sức phổ biến hay không? Điều có thể thấy rõ là do những động thái này, sức ép cạnh tranh đang dồn đẩy lên vai các nước nghèo trong ASEAN. Chúng ta sẽ gặp khó khăn trong cạnh tranh xuất khẩu. Hơn nữa, với việc gia nhập WTO và ký kết ACFTA, các dòng đầu tư trực tiếp nước ngoài đang hướng mạnh vào Trung Quốc (năm 2002, FDI vào Trung Quốc đứng đầu thế giới với 52 tỷ USD và năm 2003, mặc dù bị hiệu ứng bệnh SARS, FDI vào Trung Quốc vẫn đạt 43 tỷ USD) và theo đó, dòng FDI vào Việt Nam không mạnh như trước (mặc dù chúng ta đã cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư) và điều này sẽ gây nên nhiều khó khăn cho sự tăng trưởng ổn định của Việt Nam. Đây có thể coi là một động thái mới của khu vực có ảnh hưởng đáng kể đến an ninh phát triển kinh tế của chúng ta.

c. Hệ thống kinh tế thế giới, như chúng tôi đã nêu ở trên, vẫn là một hệ thống có một số mặt chưa công bằng, mặc dù các yêu cầu đặt ra cho các nước là dỡ bỏ các rào cản về thuế quan, phi thuế quan, về đối xử quốc gia, về thể chế... Trong tiến trình này, các nước phát triển sẽ tiến tới phải loại bỏ mọi ưu đãi dành cho các nước kém phát triển như: hạn ngạch, GSP và các ưu đãi khác. Vẫn biết, đối với các nền kinh tế có khả năng cạnh tranh, các dỡ bỏ này là hết sức quan trọng và cần thiết cho sự phát triển của họ. Song với các nước kém phát triển thì tình hình lại khác. Lâu nay, để xuất khẩu sang thị trường các nước phát triển, họ phải dựa chủ yếu vào các ưu đãi đó và việc phải đối mặt với sự xóa bỏ này trong một thời gian tương đối ngắn sẽ là một thách thức vô cùng lớn cho hoạt động xuất khẩu nói riêng, cho phát triển kinh tế-xã hội nói chung. Đây cũng là một tác động mà chúng ta buộc phải sẵn sàng chuẩn bị sớm để tránh những cú sốc không đáng có cho nền kinh tế.

- Kinh tế, chính trị, an ninh cùng các hệ thống an sinh xã hội, môi trường sinh thái trong điều kiện ngày nay đã xoắn bện chặt chẽ với nhau. Trong bối cảnh đó, các tầng lớp dễ tổn thương trong xã hội luôn là những nhóm bất lợi trong toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Vì vậy, phải thấy được các đổ vỡ, bất ổn từ trong các khía cạnh xã hội của sự phát triển, nhất là các cú sốc từ bên ngoài, rất dễ xảy ra trong hệ thống kinh tế thế giới hiện nay, sẽ tác động mạnh đến các nhóm "yếu thế", đặc biệt là trong khu vực nông nghiệp và nông thôn, các vùng sâu, vùng xa. Điều đó cũng có nghĩa là, việc thiết định các chính sách xã hội, chính sách quản lý sự phát triển ở các địa phương phải luôn tính đến các thay đổi thường xuyên của bối cảnh quốc tế và khu vực.

Việt Nam có lợi thế là tăng trưởng và phát triển trong môi trường chính trị-xã hội ổn định. Tuy vậy, những bất ổn của khu vực với các động thái: vấn đề hạt nhân như Bắc Triều Tiên; Philippin và Thái Lan trở thành đồng minh ngoài NATO của Mỹ; các bất ổn về tôn giáo, dân tộc... ở một số nước

trong khu vực... sẽ có tác động nhất định đến phát triển của chúng ta với tư cách là thành viên của ASEAN và là một quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á. Bất ổn định môi trường phát triển của một nước sẽ tùy thuộc đáng kể vào môi trường và động thái của mọi nước trong toàn khu vực. Hiệu ứng của các căng thẳng này sẽ chắc chắn làm giảm sút niềm tin và tính tích cực của các nhà hoạt động đầu tư và thương mại quốc tế đối với khu vực. Đó là chưa kể, hơn 40% đầu tư vào Việt Nam là đến từ các nước trong khu vực Đông và Đông Nam Á, chắc chắn sẽ bị đình trệ, nếu các căng thẳng và xung đột trong khu vực tiếp tục bị kích đẩy. Mặc dù vậy, về khía cạnh này, cũng cần cảnh giác với các quan điểm của các thế lực bên ngoài thổi phồng quá mức tình hình căng thẳng trong khu vực.

III. MỘT VÀI ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC CHO VIỆT NAM

Với bối cảnh quốc tế và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường như phân tích ở trên, Việt Nam phải luôn tỉnh táo, cập nhật, để có những quyết sách phù hợp.

Thứ nhất, trong các động thái thay đổi của bối cảnh quốc tế và khu vực, chúng ta cần lưu ý phân tích sự điều chỉnh chiến lược của các nước phát triển và các nước lớn.

Thứ hai, luôn đứng vững trên góc nhìn của một nước đang phát triển, đi sau để tiếp cận các cơ hội và thách thức của sự phát triển, nghĩa là phải dựa vào các định chế khu vực và quốc tế (mà chúng ta đã, đang và sẽ là thành viên chính thức) để tạo thế và lực cho Việt Nam khi giải quyết các vấn đề phát triển bên trong như đóng góp vào các tiến trình phát triển toàn cầu. Điều này còn giúp để tránh được các áp đặt, các sức ép vô lý từ các nước lớn.

Theo đó, chúng tôi có 3 đề xuất về giải pháp chiến lược:

Một là, coi việc đẩy mạnh tiến trình gia nhập WTO vào đầu năm 2005 đã được Việt Nam khẳng định như một giải pháp đột phá để thực hiện cải cách toàn diện nền kinh tế đất nước (vì theo yêu cầu của các nguyên tắc WTO, chúng ta phải cải cách cả về cơ cấu, về cơ chế chính sách và các thể chế kinh tế, về năng lực cạnh tranh của quốc gia...) và với việc tham gia WTO, chúng ta có hẳn một "câu lạc bộ toàn cầu" để thương lượng, đối thoại và đảm bảo được các lợi ích của mình trong quan hệ song phương với các đối tác khu vực và quốc tế khác nhau. Kinh nghiệm cho thấy, nguồn lực và sức ép hội nhập chống được các tư duy ỷ lại, lùi bước, thiếu sẵn sàng và đẩy nhanh việc thực hiện các cam kết quốc tế. Công việc này bắt đầu từ cam kết chung, nhất quán để sau đó hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện chứ không phải ngược lại. Cần thể hiện quan điểm đặt lợi ích quốc gia lên trên hết chứ không thể chờ đợi, tìm tiếng nói đồng thuận thường khó khăn từ các quan hệ lợi ích cục bộ vốn

khác biệt và phân tán. Một khi các cam kết quốc tế được thực hiện (đó cũng là điều bình thường) thì các mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững và chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn của chúng ta sẽ được thực hiện một cách thắng lợi. Chúng tôi cho rằng, sau khi trở thành thành viên WTO, Việt Nam hoàn toàn có đủ điều kiện để thuyết phục, đàm phán và ký kết các FTA song phương với các nước lớn và các nước phát triển.

Hai là, cùng với tiến trình gia nhập WTO, để thích ứng và thụ hưởng các lợi ích do xu hướng hình thành các hiệp định tự do thương mại song phương đã trở nên phổ biến, rộng khắp trên nhiều cấp độ, Việt Nam không thể đứng ngoài và cần chủ động chuẩn bị tính toán lựa chọn những đối tác phù hợp để tiến tới đàm phán ký kết các hiệp định tự do thương mại song phương. Dĩ nhiên, khi tiến hành công việc này cần phải đảm bảo nguyên tắc không đi ngược lại các quy định của WTO.

Ba là, thực hiện an ninh cho sự phát triển, giảm thiểu rủi ro và hạn chế tính tổn thương cho nền kinh tế không thể không tính đến các động thái chính trị và an ninh truyền thống. Phải thường xuyên chú ý đến ý đồ của các nước lớn – vốn đang giữ vai trò dẫn dắt các tiến trình phát triển quốc tế, khi họ thường áp đặt các điều kiện bất lợi cho các nước kém phát triển hơn. Cần phải tính đến vai trò tối siêu cường của Mỹ từ sau cuộc chiến tranh Iraq để có những chính sách thích hợp với họ: dứt khoát rõ ràng trong các phản ứng chính sách về chính trị, nhân quyền và phải mềm dẻo, linh hoạt trong các phản ứng về kinh tế. Chẳng hạn, nên giải quyết các vấn đề kinh tế trên các nguyên tắc về giải quyết tranh chấp của WTO và trên các điều khoản đã ký kết trong Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ. Cần phải tính đến vai trò và ảnh hưởng của Nhật Bản với những định hướng ưu tiên phát triển cho các nước thành viên mới trong ASEAN để có thể ký kết các hiệp định kinh tế song phương với Nhật Bản. Với Trung Quốc, cần nhìn nhận rõ hơn những bất lợi về cạnh tranh xuất khẩu và thu hút FDI do tính hấp dẫn nhiều mặt của nhân tố này. Mặc dù vậy, cần có “động thái phối hợp” tốt và thích ứng với Trung Quốc để tranh thủ vị thế của quốc gia này trong tiếp cận thị trường Trung Quốc và các thị trường khu vực khác vì sự phát triển của chúng ta. Ở đây, theo chúng tôi, cần nhìn nhận rõ hơn vai trò của hợp tác Đông Á với sự nổi lên của nhân tố Trung Quốc và vị trí hàng đầu của nền kinh tế Nhật Bản. Người ta đang dự đoán tới một Cộng đồng kinh tế Đông Á nay mai và nguy cơ liên kết ASEAN có thể sẽ bị lôi cuốn vào cộng đồng này. Theo đó, Việt Nam cũng như các nước ASEAN cần nỗ lực để đẩy mạnh AEC vì một tầm nhìn ASEAN 2020 nhằm củng cố và nâng cao thế thương lượng cạnh tranh của ASEAN trên trường quốc tế, bắt buộc các nước lớn phải tính đến ASEAN trong chiến lược và chính sách phát triển của họ.

Với tất cả các nỗ lực cải cách và phát triển mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã xác định, chúng ta cần tiếp tục rà soát và điều chỉnh cho

phù hợp với tình hình mới của đất nước cũng như của bối cảnh quốc tế và khu vực. Những giải pháp chiến lược cơ bản của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Với 3 giải pháp đột phá của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, các đề xuất trên đây là một sự cụ thể hóa cần thiết cho tiến trình tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững của Việt Nam nhằm thực hiện thành công mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *An ninh kinh tế ở ASEAN và vai trò của Nhật Bản*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001.
2. Tài liệu: *Tiến tới cộng đồng kinh tế ASEAN*, ASEAN Secretariat, 4-2003.
3. Michael G. Plummer, *Sự thay đổi cơ cấu của một châu Á được Toàn cầu hóa*, Journal of Asian Economics, 2-2003.
4. Eng Chuan Ong, *Khu vực mậu dịch tự do Đông Á "đặt neo" vào ASEAN*, The Washington Quarterly, Spring 2003.
5. Vương Trấn Ninh, *Hợp tác thương mại tự do khu vực và song phương của Mỹ*, Tạp chí "Liêu Vọng" (Trung Quốc) số 33, 8-2003.
6. Báo cáo thông tin chuyên đề của Tổ nghiên cứu kinh tế đối ngoại của Thủ tướng sau chuyến đi nghiên cứu 3 nước Singapore, Malaysia, Thái Lan.
7. Các bản tin nội bộ hàng tháng, "*Hội nhập và phát triển*" của Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, 2003.